

**CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TOÀN GIA THỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TOÀN GIA THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502434302

**3. Ngày thành lập:** 26/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 380/9 đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư; Quản lý dự án xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình xây dựng; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, dự thầu; Tư vấn lập báo cáo tác động môi trường; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình điện dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình điện dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông. | 7110(Chính) |
| 2.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4299        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101        |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311        |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Mua bán máy móc, thiết bị đồ dùng dạy học;                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây cảnh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4620        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, cấp thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4212        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 13. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8130        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4649        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933        |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4222        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH TRUNG Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 02/02/1987 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy chứng thực cá nhân: 049087000122  
Ngày cấp: 02/04/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 410 lô B, Khu nhà ở xã hội Chí Linh A, số 217 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Chỗ ở hiện tại: 410 lô B, Khu nhà ở xã hội Chí Linh A, số 217 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu